

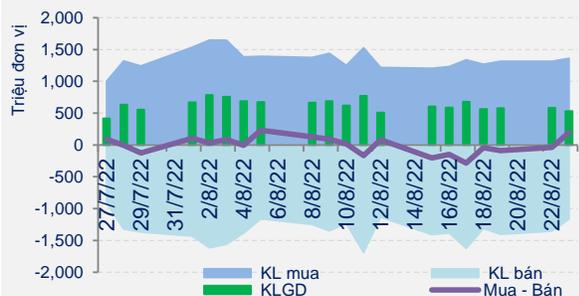
# MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **23/8/2022**

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,270.81	299.14
% Thay đổi	↑ 0.82%	↑ 1.50%
KLGD (CP)	532,182,869	94,749,244
GTGD (tỷ đồng)	14,029.20	1,966.53
Tổng cung (CP)	1,162,552,800	128,697,600
Tổng cầu (CP)	1,359,090,900	142,491,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	25,486,210	585,318
KL mua (CP)	24,475,200	251,400
GT mua (tỷ đồng)	833.09	4.96
GT bán (tỷ đồng)	907.49	10.47
GT ròng (tỷ đồng)	(74.39)	(5.51)

### Tương quan cung cầu HOSE



### Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



### CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ giảm mạnh trong phiên đêm qua khiến cho tâm lý nhà đầu tư trong nước có sự dao động vào đầu phiên sáng với áp lực bán gia tăng khiến các chỉ số chìm trong sắc đỏ. Nhưng diễn biến sau đó dần trở nên tích cực hơn khi lực cầu xuất hiện và hấp thụ lực cung khá tốt giúp chỉ số lấy lại sắc xanh trong phiên chiều. Càng về cuối phiên, lực cầu càng gia tăng giúp các chỉ số kết phiên ở mức cao nhất trong ngày.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-INDEX tăng 10,38 điểm (+0,82%) lên 1.270,81 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE quay trở lại trạng thái tích cực với 308 mã tăng (12 mã tăng trần), 74 mã tham chiếu, 140 mã giảm (1 mã giảm sàn). HNX-INDEX tăng 4,41 điểm (+1,05%) lên 299,14 điểm. Độ rộng trên sàn HNX cũng là tích cực với 141 mã tăng (7 mã tăng trần), 44 mã tham chiếu, 60 mã giảm (2 mã giảm sàn).

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (+0,51%) có diễn biến yếu hơn so với thị trường chung, nhưng vẫn có đến 22/30 mã kết phiên trong sắc xanh, có thể kể đến như PLX (+3,9%), SSI (+2,8%), VNM (+2,8%), BID (+2,7%)...

Có thể thấy là các nhóm ngành trên thị trường đã có sự hồi phục tương đối tốt sau ba phiên điều chỉnh liên tiếp.

Cổ phiếu ngành chứng khoán là nhóm có diễn biến tích cực nhất trong phiên hôm nay với nhiều mã tăng giá như VND (+2,5%), HCM (+2,9%), VCI (+6,7%), SHS (+5,1%), MBS (+5,6%)...

Cổ phiếu ngành dầu khí cũng diễn biến rất tích cực với BSR (+3,7%), PVS (+4,1%), PVD (+1,5%), PLX (+3,9%)... tăng mạnh; còn PVC (+9,7%), PVB (+9,9%)... tăng trần.

Nhóm ngành bảo hiểm đi ngược thị trường chung với mức giảm nhẹ như BVH (-0,4%), MIG (-0,9%), BMI (-0,3%)...

Khối ngoại bán ròng trên HOSE với giá trị ước đạt 75,02 tỷ đồng. Mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất là VHM với 45,2 tỷ đồng tương ứng với 761 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 42,9 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu và VIC với 32,6 tỷ đồng tương ứng với 501,8 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 162 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu.

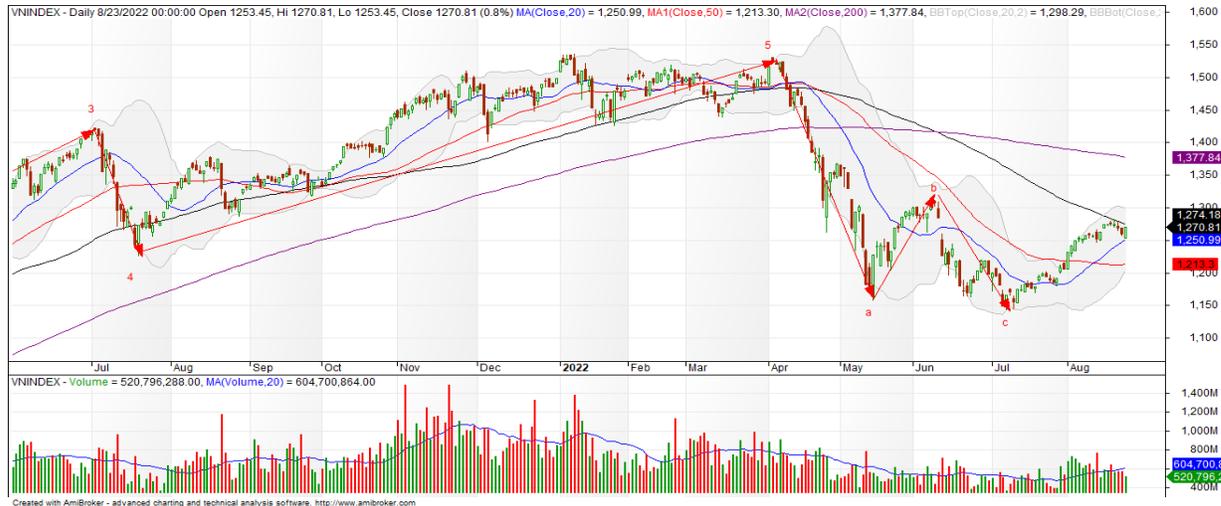
Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 từ 8,9 cho đến 25,9 điểm, cho thấy các nhà giao dịch tiếp tục nghiêng về khả năng thị trường có thể sớm điều chỉnh trở lại.

# MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **23/8/2022**

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



Sau ba phiên giảm nhẹ liên tiếp, thị trường đã có sự hồi phục trong phiên hôm nay khi chỉ số VN-INDEX test thành công ngưỡng hỗ trợ quanh 1.250 điểm (MA20 ngày). Lực cầu xuất hiện từ vùng này đã nâng đỡ tốt cho chỉ số và giúp VN-INDEX quay trở lại để hướng đến kháng cự gần nhất quanh 1.275 điểm (MA100 ngày). Tuy vậy, nhưng thanh khoản trong phiên hôm nay lại suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất cho thấy sự hồi phục này không thực sự thuyết phục.

Xét về mặt điểm số, VN-INDEX hiện vẫn đang giao dịch trong khoảng 1.260-1.285 điểm, tương ứng với gap down giữa hai phiên giao dịch 10/6 và 13/6 nên giằng co và rung lắc có thể chiếm thế chủ đạo trong thời gian tới. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán lại gia tăng trong phiên tiếp theo thì VN-INDEX có thể sẽ cần lùi về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn mà gần nhất là 1.250 điểm (MA20 ngày). Trong kịch bản tích cực hơn, VN-INDEX có thể tiếp tục hồi phục và vượt qua ngưỡng 1.275 điểm (MA100 ngày) để hướng đến ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 1.285 điểm.

Xu hướng trong trung và dài hạn của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi. VN-INDEX có thể sẽ diễn biến giống với lịch sử trước đó vào năm 2018 khi thị trường tạo xong đáy sóng c quanh ngưỡng 880 điểm và tiếp theo sẽ là hồi phục (đã diễn ra), sau đó là giằng co với những nhịp tăng giảm đan xen kéo dài cho đến khi thiết lập xong một nền giá mới (đang diễn ra), chuẩn bị cho cú bật tăng sau đó. Biên độ của đợt giằng co này được ước tính có thể trong khoảng 1.140-1.300 điểm và quá trình này có thể kéo dài cho đến hết năm nay.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX dưới áp lực bán đầu phiên điều chỉnh về gần hỗ trợ 1.250 và phục hồi tăng điểm trở lại theo kỳ vọng tích cực. Kết phiên VN-INDEX tăng 0,82% lên mức 1.270,81 điểm. Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX đã cải thiện trở lại khi vượt lên vùng 1.260-1.262 tương ứng vùng giá thấp của gap down 1.260-1.285 ngày 10-13/06/2022. Kỳ vọng VN-INDEX tiếp tục tăng điểm và nỗ lực vượt mức 1.274 điểm (MA100).

Khối lượng giao dịch VN-INDEX suy giảm so với phiên trước thể hiện thị trường sau áp lực cơ cấu danh mục ngắn hạn, nhiều mã chưa thu hút lực cầu, khối lượng tích cực gia tăng trở lại. Dòng tiền và xu hướng đang cải thiện gia tăng vào nhóm mã dầu khí, sữa, chứng khoán .. với khối lượng gia tăng tích cực, phân hóa trong các nhóm ngành, gia tăng tập trung vào các mã có kỳ vọng kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt.

Trên góc nhìn dài hạn, thị trường vẫn đang tích lũy trên nền định giá ở mức thấp so với trung bình 5 năm gần nhất. Nhà đầu tư tỉ trọng hợp lý có thể xem xét chọn lọc giải ngân, tích lũy đối với những cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng trong quý III/2022, báo cáo quý II/2022 duy trì kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt và đang thu hút dòng tiền ngắn hạn gia tăng.

Ngắn hạn, nhà đầu tư đánh giá lại danh mục, xem xét cơ cấu, giảm tỉ trọng đối với các mã suy yếu, kỳ vọng tăng trưởng kém, để tái cơ cấu danh mục sang các mã có chất lượng, tăng trưởng tốt hơn. Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/8/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
FRT	89.00	78-82	95-100	74	17.8	42.5%	55.1%	Theo dõi chờ giải ngân
CNG	39.90	35-37	44-46	32	9.1	44.7%	79.5%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 22.5+-
CSV	50.50	45-47.5	56-58	42	6.9	39.1%	101.7%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 25.5+-
QNS	48.61	45-47.5	62-64	42	13.8	8.9%	1.3%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 42+-
SZC	53.80	51.5-53.5	64-66	49	19.8	17.0%	-44.1%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 36.5+-
PVS	27.80	26-27.5	32-33	24	24.9	24.7%	-92.0%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 72+-
PVT	21.80	20.5-22	27-28	19	10.7	19.6%	-11.8%	Theo dõi chờ giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 46+-

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
23/06/2022	GEX	24.55	18.60	25-26	22	31.99%	Nắm giữ
23/06/2022	TCH	12.05	10.25	13-13.5	11	17.56%	Nắm giữ
27/06/2022	DBC	28.40	18.55	26-28	24	53.10%	Nắm giữ
27/06/2022	TCD	13.85	10.15	13-14	12	36.45%	Nắm giữ
28/06/2022	EVF	10.25	9.23	13-14	10	11.05%	Nắm giữ
29/06/2022	VPI	65.20	63.20	76-78	61	3.16%	Nắm giữ
30/06/2022	BSI	31.40	22.40	29-30	25	40.18%	Nắm giữ
1/7/2022	PLC	28.40	22.20	31-32	27	27.93%	Nắm giữ
4/7/2022	VCG	22.60	18.20	24-26	21	24.18%	Nắm giữ
4/7/2022	MBB	23.20	20.25	28-29	25	14.57%	Nắm giữ
11/7/2022	SSI	25.40	20.00	25-27	21	27.00%	Nắm giữ
12/7/2022	ASM	15.70	13.45	16.5-17	14.2	16.73%	Nắm giữ
14/7/2022	GVR	23.95	22.60	28-30	23	5.97%	Nắm giữ
27/7/2022	NT2	25.85	25.50	29.5-31	25	1.37%	Nắm giữ
2/8/2022	PTB	67.80	61.50	75-77	62	10.24%	Nắm giữ
3/8/2022	HSG	21.50	18.20	22-23	18	18.13%	Nắm giữ
11/8/2022	GAS	117.00	112.00	130-132	106	4.46%	Nắm giữ
16/8/2022	DPR	72.40	72.40	88-90	67	0.00%	Nắm giữ
23/8/2022	BSR	24.98	24.60	62-64	23	1.56%	Giải ngân giá 24.6
16/8/2022	NLG	43.65	42.80	88-90	40	1.99%	Giải ngân giá 42.8



TIN VĨ MÔ

**Tăng tốc giải phóng mặt bằng triển khai cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu**

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sẽ bàn giao 100% mặt bằng thi công công trình trước 30/4/2023, khởi công cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu trước 30/4/2023; nghiệm thu hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng trước 30/12/2025 và quyết toán công trình trước 30/3/2026.

**Kỳ vọng 'sóng' FDI vào lĩnh vực công nghiệp ô tô**

Thông qua sự kiện Gặp gỡ doanh nghiệp Ấn Độ - Việt Nam trong lĩnh vực công nghiệp ô tô, Hiệp hội Các nhà sản xuất phụ tùng ô tô Ấn Độ (ACMA) mong muốn tìm hiểu cơ hội đầu tư, thương mại và kinh doanh tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Thuế thu nhập cá nhân tăng mạnh: Trung bình thu 506 tỷ đồng/ngày**

Thuế thu nhập cá nhân tăng mạnh trong 7 tháng vừa qua, đạt hơn 106.000 tỷ đồng, tăng khoảng 11 lần trong vòng 15 năm trở lại đây.

**FDI đổ về Việt Nam, không chỉ Apple**

Tuần trước, truyền thông thế giới đưa tin gã khổng lồ công nghệ Apple có kế hoạch sản xuất đồng hồ thông minh Apple Watch và máy tính MacBook ở Việt Nam lần đầu tiên. Đây trở thành tin vui mới nhất cho ngành công nghiệp sản xuất trong nước.

**Sẽ có 126 nghìn tỷ đồng tiền thuế được miễn, giảm, gia hạn**

Sẽ có 126 nghìn tỷ đồng tiền thuế được miễn, giảm, gia hạn trong năm nay. Đây là mục tiêu theo Nghị quyết 43 của Quốc hội và Nghị quyết 15 của...



**TIN DOANH NGHIỆP**

**Thách thức mới của ông Dương Công Minh**

Ông Dương Công Minh không chỉ là cố vấn HĐQT mà có thể là đại diện cho nhóm cổ đông mới gắn liền lợi ích với Bamboo Airways.

**Xây dựng Hòa Bình rót gần 110 tỷ đồng đầu tư dự án tại Canada và Australia**

Xây dựng Hòa Bình chuẩn bị đầu tư hai dự án tại Canada và Australia với tổng vốn 6 triệu CAD.

**Doanh nghiệp gỗ đứng ngòai không yên**

Đến giữa tháng 10-2022, DOC mới công bố kết luận cuối cùng nên các doanh nghiệp gỗ vẫn còn cơ hội giải trình, giải thích cũng như chứng minh nguyên liệu gỗ là hợp pháp

**Một doanh nghiệp công nghệ Ấn Độ chọn Việt Nam là thị trường trọng điểm**

Tôi muốn nhấn mạnh rằng Việt Nam là một thị trường tuyệt vời bởi vì Việt Nam sở hữu nhiều tiềm năng về công nghệ', ông Gibu Mathew, Phó Chủ tịch kiêm CEO khu vực Apec của Zoho chia sẻ mới đây.

**Thế giới Di động đã mở được 1.000 cửa hàng Điện máy Xanh supermini, dự thu về 12.500 tỷ doanh thu**

Công ty mẹ là Thế giới Di động (MWG) mới đây cũng đã có cập nhật tình hình kinh doanh đến tháng 7/2022. Cụ thể, doanh thu Công ty đạt 11.000 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ. Trong đó, đóng góp chính là mảng điện thoại và điện máy với 8.400 tỷ đồng, tăng đến 63% so với cùng kỳ.

**PNJ báo lãi 7 tháng tăng 66% so với cùng kỳ**

PNJ ghi nhận lợi nhuận sau thuế tháng 7 đạt 79 tỷ đồng, cùng kỳ năm 2021 lỗ 32 tỷ đồng. Sau 7 tháng, PNJ thu về 1.167 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 66,1% so với cùng kỳ năm trước.

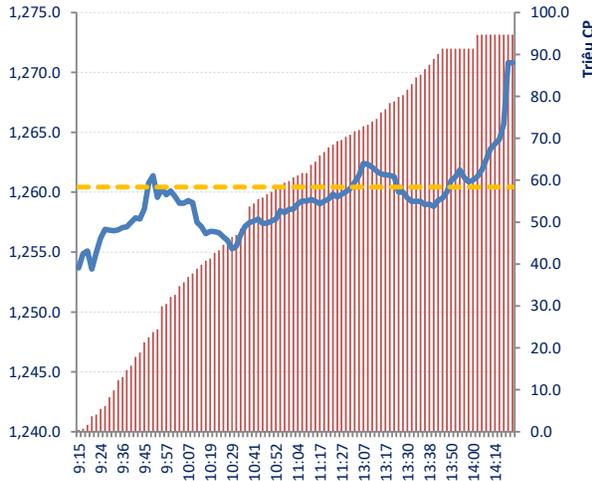
**Phát Đạt bứt phá tăng số dư tiền lên 600 tỷ đồng cuối quý II**

Kết thúc quý II/2022, CTCP Phát triển Bất Động Sản Phát Đạt (HOSE: PDR) tăng lượng tiền và tương đương tiền lên khoảng 600 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng hơn 71% so với cuối quý I/2022.

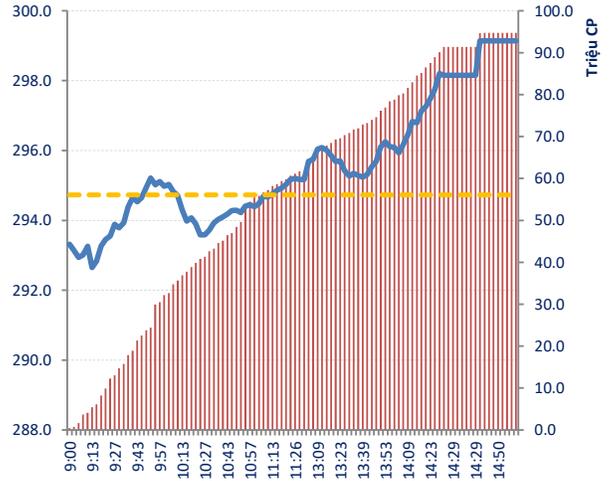


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

#### KLGD và VN-Index trong phiên



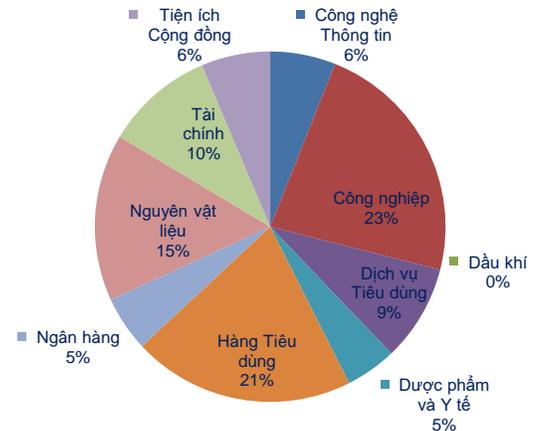
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



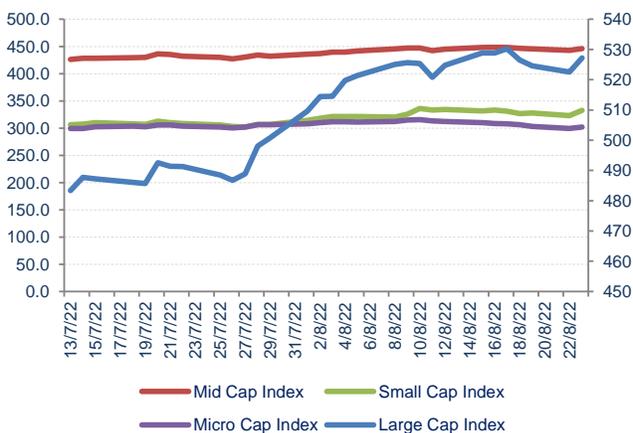
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



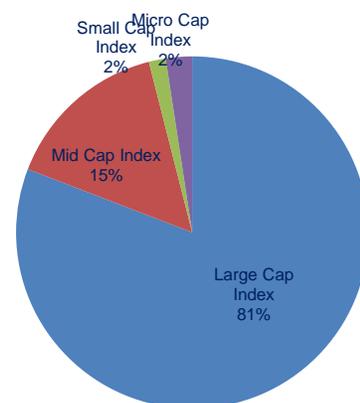
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VNM	2,169,700	CTG	1,543,700	1	TVD	66,000	SHS	297,000
2	DXG	998,000	MIG	996,500	2	DL1	43,600	TDN	46,400
3	POW	832,800	KBC	855,200	3	HUT	20,000	KSQ	38,500
4	PVD	780,200	VHM	761,000	4	VNF	10,200	APS	28,000
5	NKG	563,300	FUEVFVND	744,100	5	IDC	8,300	BVS	26,400

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	24.70	25.40	↑ 2.83%	32,624,700	PVS	26.70	27.80	↑ 4.12%	14,819,354
VND	22.20	22.75	↑ 2.48%	25,373,000	SHS	13.60	14.30	↑ 5.15%	13,638,310
HAG	12.40	12.35	↓ -0.40%	17,270,000	IDJ	16.50	17.20	↑ 4.24%	4,969,366
HPG	23.35	23.65	↑ 1.28%	16,687,400	CEO	32.00	33.80	↑ 5.62%	4,643,659
SHB	15.55	15.70	↑ 0.96%	13,755,700	SRA	7.30	7.40	↑ 1.37%	4,499,684

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPH	8.30	8.88	0.58	↑ 6.99%	SJE	30.00	33.00	3.00	↑ 10.00%
TNC	60.10	64.30	4.20	↑ 6.99%	QHD	42.10	46.30	4.20	↑ 9.98%
CKG	22.90	24.50	1.60	↑ 6.99%	API	41.20	45.30	4.10	↑ 9.95%
AAT	11.45	12.25	0.80	↑ 6.99%	PVB	16.20	17.80	1.60	↑ 9.88%
TCD	12.95	13.85	0.90	↑ 6.95%	PCG	7.10	7.80	0.70	↑ 9.86%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	115.00	107.00	-8.00	↓ -6.96%	SGD	26.40	23.80	-2.60	↓ -9.85%
TPC	10.35	9.70	-0.65	↓ -6.28%	VMS	12.60	11.40	-1.20	↓ -9.52%
GTA	17.40	16.40	-1.00	↓ -5.75%	CTB	21.70	19.70	-2.00	↓ -9.22%
TCR	4.74	4.52	-0.22	↓ -4.64%	NBP	17.40	15.80	-1.60	↓ -9.20%
NAV	20.85	19.90	-0.95	↓ -4.56%	HHC	84.80	78.00	-6.80	↓ -8.02%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	32,624,700	13.0%	1,175	21.0	1.7
VND	25,373,000	12.3%	388	57.2	1.9
HAG	17,270,000	14.4%	742	16.7	2.5
HPG	16,687,400	32.1%	5,164	4.5	1.4
SHB	13,755,700	20.1%	2,874	5.4	1.0

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,819,354	4.1%	1,106	24.1	1.0
SHS	13,638,310	25.5%	1,268	10.7	1.2
IDJ	4,969,366	14.1%	1,527	10.8	1.5
CEO	4,643,659	7.2%	970	33.0	2.3
SRA	4,499,684	13.5%	1,865	3.9	0.5

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VPH	↑ 7.0%	8.5%	953	8.7	0.7
TNC	↑ 7.0%	19.1%	3,354	17.9	3.4
CKG	↑ 7.0%	18.2%	2,283	10.0	1.7
AAT	↑ 7.0%	14.4%	1,762	6.5	1.0
TCD	↑ 6.9%	24.2%	3,577	3.6	0.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJE	↑ 10.0%	10.2%	3,088	9.7	1.0
QHD	↑ 10.0%	14.2%	2,581	16.3	2.3
API	↑ 10.0%	27.9%	6,108	6.7	1.8
PVB	↑ 9.9%	4.9%	853	19.0	0.9
PCG	↑ 9.9%	-0.5%	(41)	-	0.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	2,169,700	26.8%	4,534	16.3	4.2
DXG	998,000	5.3%	1,218	23.0	1.2
POW	832,800	4.8%	666	20.5	1.0
PVD	780,200	0.0%	1	36,877.1	0.8
NKG	563,300	30.2%	6,726	3.2	0.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TVD	66,000	20.8%	2,448	6.5	1.4
DL1	43,600	2.8%	318	19.5	0.5
HUT	20,000	6.1%	711	40.9	2.6
VNF	10,200	13.1%	2,485	6.4	0.8
IDC	8,300	33.9%	5,604	11.4	3.2

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	378,601	21.7%	5,271	15.2	3.1
VHM	258,649	21.8%	6,474	9.2	2.0
VIC	251,720	-0.5%	(173)	-	1.9
GAS	219,913	23.6%	6,738	17.1	3.6
BID	194,500	14.6%	2,569	15.0	2.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	24,870	6.2%	1,268	65.4	3.8
IDC	21,021	33.9%	5,604	11.4	3.2
THD	19,460	14.3%	2,516	22.1	3.3
NVB	14,755	-1.9%	(189)	-	3.4
BAB	13,909	7.9%	889	19.2	1.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	2.71	20.7%	885	16.8	1.0
CTS	2.67	8.7%	999	22.9	1.4
ABS	2.63	7.5%	865	14.0	1.0
QBS	2.62	0.4%	37	110.2	0.4
TVB	2.58	30.6%	3,494	2.5	0.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.79	5.8%	291	21.3	1.2
TVC	2.73	0.1%	16	583.7	0.5
BII	2.72	-2.9%	(318)	-	0.5
SDA	2.62	7.9%	741	19.4	1.4
DL1	2.58	2.8%	318	19.5	0.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	64.03	-0.5%	(173)	-	1.9
CTG	44.96	15.1%	3,057	9.2	1.3
HPG	39.13	32.1%	5,164	4.5	1.4
STB	38.14	10.3%	1,902	13.0	1.3
VHM	36.89	21.8%	6,474	9.2	2.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	-276.20	17.9%	1,965	16.5	2.7
VNM	-157.92	26.8%	4,534	16.3	4.2
MSN	-30.48	27.1%	7,170	15.6	4.1
GMD	-19.60	12.2%	2,912	17.6	2.0
PVD	-17.87	0.0%	1	36,877.1	0.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	8.23	12.3%	388	57.2	1.9
SSI	7.17	13.0%	1,175	21.0	1.7
VGC	3.21	23.0%	4,357	15.3	3.3
FLC	1.72	-11.6%	(1,540)	-	0.4
IDI	1.09	15.7%	2,269	8.6	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-3.52	26.8%	4,534	16.3	4.2
HNG	-1.74	-32.0%	(1,504)	-	2.7
MSN	-1.53	27.1%	7,170	15.6	4.1
ANV	-1.07	19.4%	3,836	13.6	2.4
HVN	-1.04	0.0%	(4,484)	-	-

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	272.85	17.9%	1,965	16.5	2.7
FUEVFVND	25.25	N/A	N/A	N/A	N/A
BID	18.77	14.6%	2,569	15.0	2.1
VHC	15.45	32.2%	11,246	7.6	2.1
DPM	9.56	49.5%	14,452	3.2	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	-52.90	23.6%	6,738	17.1	3.6
VIC	-31.42	-0.5%	(173)	-	1.9
TCB	-31.02	21.1%	5,766	6.7	1.3
NVL	-29.50	7.6%	1,655	49.4	3.6
VPB	-29.12	19.6%	3,773	8.3	1.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	165.36	26.8%	4,534	16.3	4.2
GAS	56.53	23.6%	6,738	17.1	3.6
MSN	29.03	27.1%	7,170	15.6	4.1
DXG	28.04	5.3%	1,218	23.0	1.2
GMD	18.85	12.2%	2,912	17.6	2.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-45.11	21.8%	6,474	9.2	2.0
CTG	-42.68	15.1%	3,057	9.2	1.3
VIC	-33.02	-0.5%	(173)	-	1.9
KBC	-31.52	14.9%	3,412	10.7	1.4
FUEVFVND	-29.55	N/A	N/A	N/A	N/A

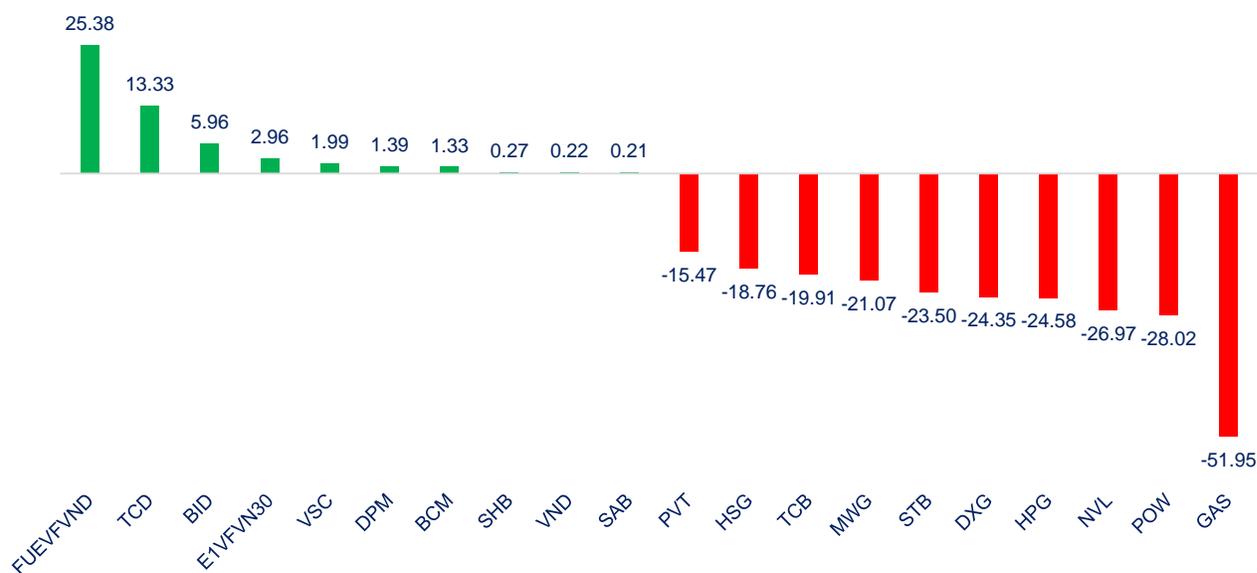


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

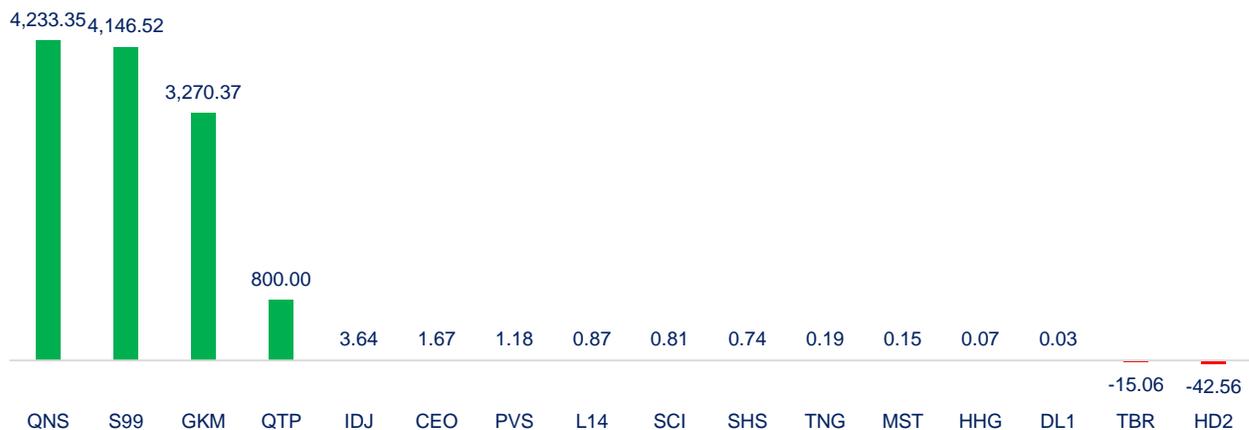
Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HNX và UPCOM (triệu đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---